

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2020 - 2021

Giáo viên chủ nhiệm: Phạm Thị Thanh Thảo. Phòng học: 212.

Lớp	MS	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh			Giới tính	Lớp 10 cũ	Ngoại ngữ 2
				Ngày	Tháng	Năm			
11A15	1	Hà Dương Mỹ	An	01	12	2004	Nữ	10A15	Tiếng Hàn
11A15	2	Nguyễn Hồng Phương	Anh	03	04	2003	Nữ	10A15	Tiếng Nhật
11A15	3	Nguyễn Tấn	Anh	23	03	2004	Nam	10A15	Tiếng Đức
11A15	4	Vương	Bảo	05	11	2004	Nam	10A15	Tiếng Nhật
11A15	5	Nguyễn Thị Yến	Chi	16	12	2004	Nữ	10A15	Tiếng Hàn
11A15	6	Nguyễn Việt	Chương	17	12	2004	Nam	10A15	Tiếng Nhật
11A15	7	Nguyễn Thành	Đạt	23	06	2004	Nam	10A11	Tiếng Trung
11A15	8	Nguyễn Khánh	Ha	05	11	2004	Nữ	10A15	Tiếng Hàn
11A15	9	Nguyễn Hồng	Hân	21	10	2004	Nữ	10A15	Tiếng Nhật
11A15	10	Nguyễn Ngọc	Hân	24	10	2004	Nữ	10A15	Tiếng Nhật
11A15	11	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	14	01	2004	Nữ	10A15	Tiếng Nhật
11A15	12	Nguyễn Trí	Hiếu	02	08	2004	Nam	10A15	Tiếng Hàn
11A15	13	Đoàn Thúy	Khanh	18	11	2004	Nữ	10A15	Tiếng Hàn
11A15	14	Nguyễn Minh	Khôi	01	03	2004	Nam	10A15	Tiếng Hàn
11A15	15	Nguyễn Hồ Ngọc	Khuê	17	04	2004	Nữ	10A15	Tiếng Đức
11A15	16	Bùi Lê Ngọc	Linh	02	08	2004	Nữ	10A15	Tiếng Nhật
11A15	17	Cao Hữu	Lộc	22	10	2004	Nam	10A15	Tiếng Trung
11A15	18	Nguyễn Ngọc Thanh	Mai	30	06	2004	Nữ	10A15	Tiếng Nhật
11A15	19	Phan Xuân Quỳnh	Mai	08	03	2004	Nữ	10A15	Tiếng Nhật
11A15	20	Nguyễn Lê Cao	Mẫn	14	01	2004	Nữ	10A15	Tiếng Nhật
11A15	21	Lê Thụy Bảo	Ngân	06	05	2004	Nữ	10A15	Tiếng Đức
11A15	22	Trần Thục	Nghi	08	07	2004	Nữ	10A15	Tiếng Hàn
11A15	23	Huỳnh Hân Gia	Nghiêm	21	03	2003	Nữ	10A15	Tiếng Đức
11A15	24	Đinh Yến	Nhi	26	03	2004	Nữ	10A15	Tiếng Đức
11A15	25	Trần Xuân	Nhi	15	12	2004	Nữ	10A15	Tiếng Hàn
11A15	26	Nguyễn Võ Phương	Như	05	05	2004	Nữ	10A15	Tiếng Hàn
11A15	27	Vũ Thị Kiều	Oanh	13	12	2004	Nữ	10A15	Tiếng Nhật
11A15	28	Nguyễn Huỳnh Tấn	Phát	09	08	2004	Nam	10A15	Tiếng Nhật
11A15	29	Phan An	Phú	15	06	2004	Nam	10A15	Tiếng Nhật
11A15	30	Chu Phạm Nam	Phương	01	10	2004	Nữ	10A15	Tiếng Nhật
11A15	31	Trương Mỹ	Phượng	07	10	2004	Nữ	10A15	Tiếng Hàn
11A15	32	Nguyễn Phương	Quỳnh	10	03	2004	Nữ	10A15	Tiếng Nhật
11A15	33	Trương Quang Minh	Tâm	12	01	2004	Nữ	10A15	Tiếng Đức
11A15	34	Lê Hoàng	Thư	07	01	2004	Nữ	10A15	Tiếng Hàn
11A15	35	Nguyễn Phương Song	Thư	28	10	2004	Nữ	10A15	Tiếng Nhật
11A15	36	Quách Lê Mỹ	Tiên	17	12	2004	Nữ	10A13	Tiếng Trung
11A15	37	Nguyễn Minh	Tiến	26	03	2004	Nam	10A15	Tiếng Nhật
11A15	38	Phạm Thị Huyền	Trang	31	10	2004	Nữ	10A15	Tiếng Nhật
11A15	39	Phạm Thanh Bảo	Trần	07	06	2004	Nữ	10A15	Tiếng Nhật
11A15	40	Lê Cô Phương	Trình	10	05	2004	Nữ	10A15	Tiếng Hàn
11A15	41	Trần Trương Khả	Tú	13	08	2004	Nữ	10A15	Tiếng Trung
11A15	42	Dương Ngọc Trúc	Vy	18	02	2004	Nữ	10A15	Tiếng Hàn
11A15	43	Trần Thiệu Ái	Vy	07	09	2004	Nữ	10A15	Tiếng Nhật
11A15	44	Trịnh Khánh	Vy	17	11	2004	Nữ	CT	KHTN

- Học sinh xem danh sách và sơ đồ lớp.
- 6g40 sáng ngày 03/9/2020, học sinh có mặt tại phòng học của lớp để sinh hoạt đầu năm với thầy cô GVCN (dự kiến học sinh ra về lúc 9g).
- **Lưu ý:** khi đến trường phải đeo khẩu trang, chấp hành nghiêm các qui định về phòng chống dịch Covid-19. Học sinh có triệu chứng cảm, sốt không đến trường tập trung.